QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG TỰ PHỤC VỤ CHO TRẺ MẪU GIÁO Ở TRƯỜNG MẦM NON HƯỚNG DƯƠNG PHƯỜNG AN HỘI TÂY, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Dệt
HV cao học quản lý giáo dục, Đại học Trà Vinh
Email: mamnonthienthannho1@gmail.com

Tóm tắt: *Giáo dục kỹ năng tự phục vụ có vai trò quan trọng trong việc hình thành tính tự lập, sự chủ động và thói quen sinh hoạt tích cực cho trẻ mẫu giáo. Nghiên cứu tập trung phân tích thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở Trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, trên các phương diện lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và phối hợp giữa nhà trường với gia đình. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất năm biện pháp quản lý, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng tự phục vụ, tạo môi trường thuận lợi để trẻ được thực hành thường xuyên, phát triển tính tự lập và sự tự tin phù hợp với độ tuổi.*

Từ khóa: *Quản lý giáo dục; kỹ năng tự phục vụ; trẻ mẫu giáo; trường mầm non.*

MANAGEMENT OF SELF-HELP SKILLS EDUCATION FOR PRESCHOOL CHILDREN AT HUONG DUONG PRESCHOOL, AN HOI TAY WARD, HO CHI MINH CITY

Abstract: *Self-help skills education plays an important role in developing independence, initiative and positive daily living habits among preschool children. This study examines the current situation of managing self-help skills education for preschool children at Huong Duong Preschool, An Hoi Tay Ward, Ho Chi Minh City, focusing on planning, implementation, direction, monitoring and evaluation, and coordination between the school and families. The findings provide a basis for proposing five management measures to improve the quality of self-help skills education and create a supportive environment in which children can practice regularly and develop independence and self-confidence appropriate to their age.*

Keywords: *Educational management; self-help skills; preschool children; preschool education.*

Nhận bài: 12/09/2026 *Phản biện: 12/10/2026* *Duyệt đăng: 15/10/2026*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục kỹ năng tự phục vụ là một nội dung quan trọng trong quá trình phát triển tính tự lập, khả năng chủ động và hình thành thói quen sinh hoạt tích cực cho trẻ mẫu giáo. Thông qua các hoạt động như ăn uống, vệ sinh cá nhân, mặc trang phục, sắp xếp đồ dùng và tham gia công việc phù hợp với độ tuổi, trẻ từng bước hình thành khả năng tự chăm sóc bản thân và thích ứng với môi trường sống. Vì vậy, giáo dục kỹ năng tự phục vụ cần được thực hiện thường xuyên, có hệ thống và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Trong trường mầm non, hiệu quả giáo dục kỹ năng tự phục vụ phụ thuộc đáng kể vào công tác quản lý của cán bộ quản lý, năng lực tổ chức hoạt động của giáo viên, điều kiện môi trường giáo dục và sự phối hợp giữa nhà trường với gia đình. Tuy nhiên, nếu kế hoạch giáo dục chưa cụ thể theo độ tuổi, phương pháp hướng dẫn chưa thống nhất, việc đánh giá chưa thường xuyên hoặc gia đình còn làm thay trẻ thì quá trình hình thành kỹ năng tự phục vụ khó đạt được tính liên tục và bền vững. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn đó, nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở Trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh có ý nghĩa thiết thực. Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được và những hạn chế trong công tác quản lý, bài báo đề xuất các biện pháp phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng tự phục vụ, góp phần phát triển tính tự lập và sự tự tin cho trẻ ngay từ những năm đầu đời.

II. NỘI DUNG

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận thông qua phân tích, tổng hợp các tài liệu liên quan đến giáo dục kỹ năng tự phục vụ và quản lý giáo dục mầm non; phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi 58 CBQL-GV, phỏng vấn và quan sát nhằm khảo sát thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở Trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học, kết hợp phân tích, so sánh và tổng hợp kết quả để xác định những ưu điểm, hạn chế và đề xuất biện pháp quản lý phù hợp.

2.2 Kết quả thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo

ở trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Thực trạng thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Lập kế hoạch giáo dục kỹ năng tự phục vụ (GDKNTPV) cho trẻ mẫu giáo là khâu quan trọng, định hướng mục tiêu, nội dung, phương pháp và tiến độ tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Để đánh giá thực trạng công tác này, nghiên cứu tập trung khảo sát việc xác định mục tiêu, lựa chọn nội dung, xây dựng kế hoạch theo độ tuổi và từng giai đoạn cũng như mức độ cụ thể hóa các yêu cầu giáo dục trong kế hoạch của nhà trường và giáo viên.

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch GDKNTPV cho trẻ mẫu giáo

TT	Nội dung	$\bar{X}$	SD	Thứ bậc	Mức	$\bar{X}$ CBQL (n=8)	$\bar{X}$ GV (n=50)
1	Chỉ đạo khảo sát và phân tích thực trạng	4,16	0,52	6	Cao	4,00	4,16
2	Xác định mục tiêu và chỉ tiêu thực hiện	4,18	0,53	4	Cao	4,12	4,16
3	Định hướng nội dung, hình thức và lộ trình	4,25	0,60	2	Rất cao	4,00	4,26
4	Quy hoạch nguồn lực và điều kiện đảm bảo	4,18	0,59	4	Cao	4,12	4,16
5	Thiết lập cơ chế kiểm tra và điều chỉnh kế hoạch	4,26	0,57	1	Rất cao	4,25	4,24
6	Đảm bảo tính hệ thống và tính khả thi của kế hoạch	4,20	0,54	3	Cao	4,12	4,18
	Điểm trung bình chung	4,20	0,51		Cao	4,10	4,19

Cronbach α = 0,96

Lập kế hoạch là thang có điểm thấp nhất trong 10 thang ($\bar{X}$ = 4,20) và là thang duy nhất ở mức "Cao". Bốn trong sáu tiêu chí ở mức "Cao" (chưa đạt "Rất cao"): chỉ đạo khảo sát và phân tích thực trạng (4,16), xác định mục tiêu và chỉ tiêu thực hiện (4,18), quy hoạch nguồn lực và điều kiện bảo đảm (4,18), bảo đảm tính hệ thống và khả thi của kế hoạch (4,20). Đây chính là những khâu đề án xác định còn hạn chế: chưa khảo sát đầu vào kỹ năng của trẻ, chưa có chỉ tiêu cụ thể theo độ tuổi. Đáng chú ý, thang lập kế hoạch tương quan yếu với các thang thực hiện hoạt động (Spearman ρ = 0,23–0,31 với mục tiêu, nội dung, điều kiện). Kết quả này gợi ý kế hoạch hiện chưa thật sự "dẫn dắt" hoạt động thực tế.

2.2.2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Công tác tổ chức được thể hiện qua ba nội dung chính. Thứ nhất, phân công: GV được phân công phụ trách theo lớp "đúng năng lực" và thống nhất những kỹ năng cần rèn theo độ tuổi (CBQL1, CBQL2). Thứ hai, bồi dưỡng: định kỳ tổ chức chuyên đề, tập huấn. 10/12 GV xác nhận đã tham gia sinh hoạt chuyên môn hoặc tập huấn có nội dung về GDKNTPV. Thứ ba, xây dựng môi trường: nhà trường chú trọng sắp xếp môi trường theo hướng trẻ tự lấy, tự cất. CBQL1 cho rằng "môi trường cũng là một 'người thầy' giúp trẻ hình thành thói quen tự phục vụ". Hạn chế lớn nhất của khâu tổ chức là nội dung bồi dưỡng còn thiên về lý thuyết, chưa đi sâu vào thực hành. Đa số GV đánh giá tập huấn "cơ bản đáp ứng" nhưng đều có chung một mong muốn: "cần thêm nhiều mô hình và bài tập thực hành thực tế" (GV1); "đáp ứng tốt về lý thuyết; cần tăng cường các tiết dạy mẫu" (GV5); "đáp ứng tốt về mặt định hướng lý thuyết và phương pháp" (GV3). GV12 nêu cụ thể các nội dung cần bồi dưỡng: "cách hỗ trợ trẻ chậm hình thành kỹ năng, cách xử lý tình huống khi trẻ không hợp tác và cách đánh giá kết quả rèn luyện". Thêm vào đó, việc tổ chức nhân lực ở các thời điểm chuyển tiếp trong ngày (giờ ăn, ngủ, ra về) chưa được tính toán riêng, khiến GV phải làm nhiều việc cùng lúc.

Bảng 2. Thực trạng tổ chức thực hiện GDKNTPV

TT	Nội dung	X̄	SD	Thứ bậc	Mức	X̄ CBQL (n=8)	X̄ GV (n=50)
1	Phân công trách nhiệm và phối hợp các lực lượng	4,43	0,56	5	Rất cao	4,00	4,46
2	Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên	4,44	0,50	3	Rất cao	4,25	4,46
3	Chỉ đạo đa dạng hóa hình thức rèn luyện	4,43	0,53	5	Rất cao	4,00	4,48
4	Tạo lập môi trường và không gian trải nghiệm an toàn	4,51	0,50	1	Rất cao	4,12	4,56
5	Tổ chức phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình	4,44	0,53	3	Rất cao	4,00	4,50
6	Điều phối và huy động nguồn lực vận hành	4,46	0,50	2	Rất cao	4,12	4,50
	Điểm trung bình chung	4,45	0,46		Rất cao	4,08	4,49

Cronbach α = 0,94

Kết quả khảo sát cho thấy công tác tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý được đánh giá ở mức rất cao, với điểm trung bình chung đạt 4,45 (SD = 0,46). Trong đó, nội dung tạo lập môi trường và không gian trải nghiệm an toàn xếp thứ bậc 1 (ĐTB = 4,51), tiếp đến là điều phối và huy động nguồn lực vận hành, đạt 4,46, xếp thứ bậc 2. Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và tổ chức phối kết hợp giữa nhà trường với gia đình cùng đạt 4,44, xếp thứ bậc 3. Phân công trách nhiệm và phối hợp các lực lượng cùng chỉ đạo đa dạng hóa hình thức rèn luyện đạt 4,43, xếp thứ bậc 5. Xét theo nhóm đối tượng, giáo viên đánh giá cao hơn cán bộ quản lý ở tất cả các nội dung. Điểm trung bình của giáo viên đạt 4,49 trong khi cán bộ quản lý đạt 4,08. Chênh lệch rõ nhất ở nội dung tổ chức phối kết hợp giữa nhà trường và gia đình (4,50 so với 4,00) và phân công trách nhiệm, phối hợp các lực lượng (4,46 so với 4,00). Kết quả này cho thấy giáo viên có xu hướng đánh giá tích cực hơn về việc triển khai các biện pháp quản lý trong thực tiễn. Tuy nhiên, sự khác biệt trong nhận định giữa hai nhóm cũng đặt ra yêu cầu tăng cường trao đổi thông tin, rà soát trách nhiệm và đánh giá hiệu quả thực hiện dựa trên các tiêu chí thống nhất.

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo GDKNTPV

TT	Nội dung	X̄	SD	Thứ bậc	Mức	X̄ CBQL (n=8)	X̄ GV (n=50)
1	Quán triệt chuyên môn và chuẩn hóa quy trình	4,38	0,56	5	Rất cao	4,14	4,44
2	Hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn sư phạm	4,36	0,58	6	Rất cao	4,25	4,42
3	Tạo động lực và khuyến khích đổi mới	4,43	0,56	1	Rất cao	4,12	4,50
4	Duy trì kỷ cương và bảo đảm an toàn	4,41	0,56	3	Rất cao	4,12	4,48
5	Chỉ đạo phối hợp nội bộ và kết nối gia đình	4,41	0,56	3	Rất cao	4,12	4,48
6	Năng lực điều hành và uy tín chuyên môn	4,43	0,56	1	Rất cao	4,12	4,50
	Điểm trung bình chung	4,40	0,50		Rất cao	4,15	4,47

Cronbach α = 0,95

Tổ chức thực hiện ($\bar{X}$ = 4,45) và chỉ đạo ($\bar{X}$ = 4,40) là hai chức năng được đánh giá cao nhất. Tạo lập môi trường, không gian trải nghiệm an toàn đạt 4,51; khen thưởng, động viên đổi mới đạt 4,43. Tuy vậy, CBQL tự đánh giá thấp hơn GV ở tất cả các tiêu chí: tổ chức 4,08 so với 4,49 (p = 0,021); chỉ đạo 4,15 so với 4,47 (p = 0,053). CBQL cho điểm thấp nhất (4,00) ở phân công trách nhiệm, chỉ đạo đa dạng hóa hình thức rèn luyện và phối kết hợp với gia đình. Ở thang chỉ đạo, "hỗ trợ kỹ thuật và tư vấn sư phạm" qua dự giờ, sinh hoạt chuyên môn có điểm thấp nhất (4,36). Điều này phù hợp với mong muốn của GV trong phỏng vấn về bồi dưỡng thực hành và góp ý chuyên sâu.

2.2.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo ở trường Mầm non Hướng Dương, phường An Hội Tây, Thành phố Hồ Chí Minh

Từ đó có thể nhận định: tiêu chí đánh giá sự phát triển của trẻ đã có ở cấp chương trình, nhưng chưa được chuyển thành một công cụ chung, đơn giản, dễ quan sát cho riêng GDKNTPV ở cấp lớp. Do đó kết quả đánh giá giữa các lớp chưa so sánh được, và CBQL khó dùng kết quả kiểm tra để điều chỉnh kế hoạch. Phía phụ huynh, việc thông tin kết quả rèn luyện của trẻ chủ yếu diễn ra qua trao đổi không chính thức; chưa có PH nào nhắc đến hình thức thông báo kết quả định kỳ theo tiêu chí. Kiểm tra - đánh giá đạt $\bar{X}$ = 4,37. Đây là chức năng có độ vênh lớn nhất giữa CBQL và GV: cả 6 tiêu chí CBQL đều chấm đúng 4,00, trong khi GV chấm 4,38–4,54 (p = 0,030; r = 0,47). Các tiêu chí thấp nhất là đa dạng hóa hình thức kiểm tra (4,31), xây dựng tiêu chí và công cụ đánh giá (4,34) và bảo đảm tính khách quan, khoa học (4,34). Kết hợp với việc 11/12 GV được phỏng vấn đề nghị có bộ tiêu chí thống nhất, có thể khẳng định công cụ đánh giá chung là khâu yếu cần ưu tiên. Ngoài ra, thang kiểm tra – đánh giá tương quan rất chặt với thang chỉ đạo (ρ = 0,92): khi chưa có công cụ đánh giá, chất lượng chỉ đạo cũng khó được nâng lên.

2.2.5. Thực trạng phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục kỹ năng tự phục vụ

Kết quả khảo sát cho thấy sự phối hợp giữa nhà trường, giáo viên và gia đình trong rèn luyện kỹ năng tự phục vụ cho trẻ được đánh giá ở mức cao, với điểm trung bình chung đạt 3,93 và độ lệch chuẩn 0,79. Trong đó, nội dung giáo viên chủ động trao đổi hai chiều với phụ huynh về tình hình rèn luyện kỹ năng tự phục vụ của trẻ xếp thứ bậc 1 (ĐTB = 4,08; SD = 0,82), với 83,6% ý kiến đánh giá ở mức 4–5. Tiếp theo là sự phối hợp thường xuyên, thống nhất giữa nhà trường, giáo viên và gia đình trong cách rèn kỹ năng tự phục vụ cho trẻ (ĐTB = 4,00; SD = 0,63), xếp thứ bậc 2. Nội dung nhà trường thiết lập các kênh trao đổi để hướng dẫn phụ huynh duy trì thói quen tự phục vụ tại nhà đạt ĐTB = 3,98, xếp thứ bậc 3 và có 82,0% ý kiến đánh giá ở mức 4–5. Tuy nhiên, việc công khai, chia sẻ kết quả rèn luyện để phụ huynh theo dõi và phối hợp đánh giá sự tiến bộ của trẻ chỉ đạt ĐTB = 3,92, xếp thứ bậc 4; hoạt động họp phụ huynh hoặc trao đổi thông tin định kỳ để thống nhất yêu cầu rèn luyện đạt ĐTB = 3,66, xếp thứ bậc 5, với 11,5% ý kiến đánh giá ở mức 1–2. Điều này cho thấy công tác phối hợp đã được quan tâm nhưng tính định kỳ trong trao đổi và cơ chế chia sẻ kết quả rèn luyện vẫn cần được tăng cường. Nhà trường cần duy trì trao đổi hai chiều, đa dạng hóa kênh thông tin và thống nhất tiêu chí đánh giá giữa gia đình với giáo viên để bảo đảm việc rèn luyện kỹ năng tự phục vụ cho trẻ được thực hiện liên tục, nhất quán ở cả trường học và gia đình.

2.3. Các biện pháp đề xuất

Biện pháp 1: Chỉ đạo xây dựng khung kỹ năng tự phục vụ theo độ tuổi và cụ thể hóa kế hoạch giáo dục kỹ năng tự phục vụ theo từng giai đoạn

Mục tiêu: Xác định kỹ năng trọng tâm và yêu cầu cần đạt theo từng độ tuổi, từng giai đoạn; bảo đảm thống nhất trong tổ chức giáo dục kỹ năng tự phục vụ giữa các lớp. Nội dung: Xây dựng khung kỹ năng theo 5 nhóm: ăn uống; vệ sinh cá nhân; mặc, cởi trang phục và giày dép; giữ gìn, cất dọn đồ dùng, đồ chơi; giờ ngủ và việc chung. Khảo sát đầu vào, cụ thể hóa kế hoạch theo học kỳ, tháng và ưu tiên các kỹ năng trẻ còn hạn chế. Cách thực hiện: Hiệu trưởng thành lập tổ công tác xây dựng khung kỹ năng; tổ chức lấy ý kiến giáo viên, phê duyệt và ban hành. Tổ chuyên môn hướng dẫn giáo viên lập kế hoạch theo tháng, định kỳ rà soát kết quả để điều chỉnh. Điều kiện thực hiện: Có sự chỉ đạo của Hiệu trưởng, năng lực chuyên môn của Phó Hiệu trưởng, thời gian sinh hoạt chuyên môn và tài liệu hướng dẫn giáo dục mầm non.

Biện pháp 2: Tổ chức bồi dưỡng năng lực tổ chức giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho giáo viên theo hướng thực hành và nghiên cứu bài học

Mục tiêu: Nâng cao năng lực hướng dẫn, làm mẫu, hỗ trợ trẻ tự thực hiện và đánh giá sự tiến bộ; thống nhất phương pháp giáo dục giữa các lớp. Nội dung: Bồi dưỡng kỹ thuật hướng dẫn kỹ năng, không làm thay trẻ, hỗ trợ trẻ có khó khăn và sử dụng bảng kiểm đánh giá. Tổ chức nghiên

cứu bài học, dự giờ, chia sẻ video và kèm cặp giáo viên. Cách thực hiện: Hiệu trưởng chuyên môn khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng theo chuyên đề, kết hợp lý thuyết với thực hành. Giáo viên vận dụng tại lớp, chia sẻ kinh nghiệm và được góp ý qua dự giờ. Điều kiện thực hiện: Có giáo viên cốt cán, lịch sinh hoạt chuyên môn ổn định, thiết bị hỗ trợ và sự đồng thuận của cha mẹ trẻ khi sử dụng hình ảnh phục vụ bồi dưỡng.

Biện pháp 3: Chỉ đạo xây dựng môi trường giáo dục "Bé tự làm" lấy trẻ làm trung tâm và bổ sung học liệu vừa tầm

Mục tiêu: Tạo môi trường an toàn, thuận tiện để trẻ chủ động thực hành kỹ năng tự phục vụ hằng ngày. Nội dung: Rà soát không gian, giá kệ, đồ dùng; xây dựng góc Bé tự làm; sử dụng sơ đồ trực quan; tổ chức hoạt động trực nhật và bổ sung học liệu phù hợp với độ tuổi. Cách thực hiện: Hiệu trưởng phối hợp với tổ chuyên môn kiểm tra môi trường lớp học, đề xuất bổ sung thiết bị. Nhà trường tổ chức xây dựng mô hình điểm, nhân rộng và kiểm tra việc sử dụng học liệu trong thực tế. Điều kiện thực hiện: Có kinh phí phù hợp, cơ sở vật chất an toàn, sự chủ động của giáo viên và sự tham gia của phụ huynh.

Biện pháp 4: Xây dựng và áp dụng bộ tiêu chí, bảng kiểm đánh giá kỹ năng tự phục vụ thống nhất; đổi mới công tác kiểm tra nội bộ

Mục tiêu: Thống nhất công cụ đánh giá, theo dõi sự tiến bộ của trẻ và cung cấp dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều chỉnh hoạt động giáo dục. Nội dung: Xây dựng bảng kiểm theo khung kỹ năng với 4 mức độ thực hiện; tổ chức đánh giá định kỳ; số hóa dữ liệu; bổ sung tiêu chí giáo dục kỹ năng tự phục vụ vào kiểm tra nội bộ và thông tin kết quả cho phụ huynh. Cách thực hiện: Tổ công tác xây dựng, thử nghiệm và hoàn thiện bảng kiểm; tổ chức tập huấn, thống nhất cách đánh giá. Phó Hiệu trưởng tổng hợp kết quả, tham mưu điều chỉnh kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện. Điều kiện thực hiện: Có khung kỹ năng thống nhất, giáo viên được tập huấn, thiết bị xử lý dữ liệu và quy trình bảo mật thông tin của trẻ.

Biện pháp 5: Tăng cường phối hợp nhà trường – gia đình theo cơ chế "cùng một cách rèn"

Mục tiêu: Thống nhất cách rèn luyện kỹ năng tự phục vụ giữa nhà trường và gia đình, hạn chế tình trạng người lớn làm thay trẻ. Nội dung: Biên soạn cẩm nang, video hướng dẫn; giao nhiệm vụ rèn luyện hằng tuần; tổ chức chuyên đề cho cha mẹ và ông bà; duy trì trao đổi hai chiều về sự tiến bộ của trẻ. Cách thực hiện: Hiệu trưởng chỉ đạo xây dựng học liệu; giáo viên chủ nhiệm hướng dẫn phụ huynh thực hiện nhiệm vụ tuần, theo dõi phản hồi và tư vấn các gia đình cần hỗ trợ. Nhà trường định kỳ đánh giá hiệu quả phối hợp. Điều kiện thực hiện: Có kênh liên lạc ổn định, kỹ năng giao tiếp của giáo viên, sự đồng thuận của gia đình và quy định sử dụng hình ảnh trẻ phù hợp.

III. KẾT LUẬN

Giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo không chỉ góp phần hình thành thói quen sinh hoạt tích cực mà còn đặt nền móng cho tính tự lập và sự tự tin của trẻ trong những năm đầu đời. Nghiên cứu tại Trường Mầm non Hướng Dương cho thấy công tác quản lý đã được quan tâm nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện ở khâu lập kế hoạch, bồi dưỡng giáo viên, xây dựng môi trường thực hành, đánh giá kết quả và phối hợp với gia đình. Năm biện pháp được đề xuất hướng đến sự phối hợp đồng bộ giữa nhà trường, giáo viên và gia đình, tạo điều kiện để mỗi trẻ được trải nghiệm, tự mình thực hiện những việc phù hợp với khả năng và từng bước trưởng thành trong sự chủ động, tự tin.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Pham, T. M. N., Duong, T. K. O., & Vo, P. T. H. (2026). Measures for self-help skills education for 5–6-year-old preschool children based on a child-centered approach. Journal of Technical Education Science, 21(03V), 89–97. https://doi.org/10.54644/jte.2026.2107

Huong, N. T., Hue, T. T., & Thao, P. T. (2025). Managing self-help skill development activities in early childhood institutions. Tennessee Research International of Social Sciences, 7(2), 185–195. https://triss.org/index.php/journal/article/view/116

Thanh, T. T. P., & Bách, Đ. T. (2024). Một số biện pháp giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ dân tộc H'Mông 4–6 tuổi ở các trường mầm non tỉnh Điện Biên. Tạp chí Khoa học và Công nghệ – Đại học Thái Nguyên, 229(4). https://doi.org/10.34238/tnu-jst.8432

Dương, T. K. O., & Phạm, T. M. N. (2023). Một số biện pháp giáo dục kỹ năng tự phục vụ cho trẻ mẫu giáo 5–6 tuổi ở trường mầm non. Tạp chí Giáo dục, 23(2), 24–28. https://tcgd.tapchigiaoduc.edu.vn/index.php/tapchi/article/view/628

Dương, T. K. O., & Phạm, T. M. N. (2023). Document analysis on self-care skills education for 5–6-year-old children and research orientations. Journal of Technical Education Science, 18(Special Issue 02), 87–95. https://doi.org/10.54644/jte.75B.2023.1345